

M-CHART-R™

Xin trả lời những câu hỏi dưới đây về con quý vị. Phải chú ý cách con quý vị thường làm. Nếu quý vị thấy con mình có hành vi như vậy vài lần nhưng bé không phải thường xuyên làm như vậy thì xin trả lời là Không. Xin khoanh tròn **Có** hoặc **Không** cho mỗi câu hỏi. Cảm ơn rất nhiều.

1. Nếu quý vị chỉ vào một cái gì đó ở xa, con quý vị có nhìn nó không? (VÍ DỤ nếu quý vị chỉ vào một đồ chơi hay con thú nào đó, con quý vị có nhìn đồ chơi hay con thú đó không?)	Có	Không
2. Quý vị có bao giờ tự hỏi liệu con quý vị có thể bị điếc không?	Có	Không
3. Con quý vị có chơi giả bộ hay chơi tưởng tượng không? (VÍ DỤ giả bộ uống bằng một cái tách không, giả bộ nói chuyện điện thoại, hay giả bộ đút cho búp bê hay thú nhồi bông ăn không?)	Có	Không
4. Con quý vị có thích leo trèo lên vật gì đó không? (VÍ DỤ đồ nội thất, thiết bị ở sân chơi, hoặc cầu thang)	Có	Không
5. Con quý vị có làm những cử động ngón tay <u>bất bình thường</u> gần mắt bé không? (VÍ DỤ con quý vị có lúc lắc ngón tay của bé gần với mắt bé không?)	Có	Không
6. Con quý vị có chỉ bằng một ngón tay để xin cái gì đó hay để được giúp đỡ không? (VÍ DỤ chỉ món ăn vật hay đồ chơi ngoài tầm với)	Có	Không
7. Con quý vị có chỉ bằng một ngón tay để cho quý vị thấy một cái gì đó thú vị không? (VÍ DỤ chỉ một chiếc máy bay trên trời hay một chiếc xe tải lớn ngoài đường)	Có	Không
8. Con quý vị có thích những đứa trẻ khác không? (VÍ DỤ con quý vị có nhìn những đứa bé khác, cười với chúng hoặc đi đến gần chúng không?)	Có	Không
9. Con quý vị có khoe với quý vị cái gì đó bằng cách cầm những vật đó đến chỗ quý vị hoặc đưa lên cao cho quý vị xem – không phải để nhờ giúp đỡ mà chỉ để chia sẻ? (VÍ DỤ cho quý vị xem một cái hoa, một con thú nhồi bông, hoặc một chiếc xe tải đồ chơi)	Có	Không
10. Con quý vị có phản ứng khi quý vị gọi tên bé không? (VÍ DỤ bé có ngược nhìn, nói hay bập bẹ, hay dừng lại việc bé đang làm khi quý vị gọi tên bé không?)	Có	Không
11. Khi quý vị cười với bé thì bé có cười lại với quý vị không?	Có	Không
12. Con quý vị có khó chịu vì những tiếng động hằng ngày không? (VÍ DỤ con quý vị có hét lên hoặc khóc vì những tiếng động như là máy hút bụi hay tiếng nhạc lớn không?)	Có	Không
13. Con quý vị có biết đi không?	Có	Không
14. Con quý vị có nhìn vào mắt quý vị khi quý vị đang nói chuyện với bé, đang chơi với bé, hay thay quần áo cho bé không?	Có	Không
15. Con quý vị có cố gắng bắt chước những gì quý vị làm không? (VÍ DỤ vẫy tay tạm biệt, vỗ tay, hay tạo ra âm thanh tức cười khi quý vị làm)	Có	Không
16. Nếu quý vị xoay đầu nhìn cái gì đó thì con quý vị có nhìn quanh xem quý vị đang nhìn cái gì không?	Có	Không
17. Con quý vị có cố gắng làm cho quý vị chú ý bé không? (VÍ DỤ con quý vị có nhìn quý vị để được khen, hoặc nói “Nhìn kìa!” hay “Nhìn con nè” không?)	Có	Không
18. Con quý vị có hiểu khi quý vị bảo bé làm điều gì đó không? (VÍ DỤ nếu quý vị không chỉ tay, thì con quý vị có thể hiểu “Để quyển sách lên ghế” hay “Mang cho ba/mẹ cái mền” không?)	Có	Không
19. Nếu có cái gì mới xảy ra thì con quý vị có nhìn mặt quý vị để xem quý vị cảm thấy như thế nào về điều đó không? (VÍ DỤ nếu bé nghe tiếng động kỳ lạ hay khác thường, hoặc thấy một đồ chơi mới thì bé có nhìn mặt của quý vị không?)	Có	Không
20. Con quý vị thích những trò chơi vận động không? (VÍ DỤ được đung đưa hay nhún nhảy trên đùi của quý vị)	Có	Không

1. Nếu quý vị chỉ vào một cái gì đó ở xa, _____ có nhìn nó không?

Có

Không

Xin cho tôi một ví dụ cách bé sẽ trả lời nếu quý vị chỉ vào một cái gì đó (*Nếu ba/mẹ không cho một ví dụ ĐẠT dưới đây, thì hỏi từng câu một*)

Nếu quý vị chỉ vào một vật gì đó, con quý vị thường làm gì?

Những ví dụ **ĐẠT**

Nhìn vào vật	Có ☐	Không ☐
Chỉ vào vật	Có ☐	Không ☐
Nhìn và nói về vật đó	Có ☐	Không ☐
Nhìn nếu ba/mẹ chỉ tay và nói “nhìn nè!”	Có ☐	Không ☐

Những ví dụ **KHÔNG ĐẠT**

Phớt lờ ba/mẹ	Có ☐	Không ☐
Nhìn đại quanh phòng	Có ☐	Không ☐
Nhìn ngón tay của ba/mẹ	Có ☐	Không ☐

Có chỉ cho các ví dụ **ĐẠT**

ĐẠT

Có cho cả các ví dụ **ĐẠT** và **KHÔNG ĐẠT**

Hành động nào bé thường hay làm nhất?

Hành động thường xuyên làm nhất trong các ví dụ **ĐẠT**

ĐẠT

Có chỉ cho các ví dụ **KHÔNG ĐẠT**

KHÔNG ĐẠT

Hành động thường xuyên làm nhất trong các ví dụ **KHÔNG ĐẠT**

KHÔNG ĐẠT

2. Quý vị có bao giờ tự hỏi liệu con quý vị có thể bị điếc không? Điều gì làm quý vị tự hỏi như vậy?

Con quý vị có ...	
Thường xuyên phớt lờ những âm thanh không?	Có ☐ Không ☐
Thường xuyên phớt lờ người không?	Có ☐ Không ☐

↓

Không cho cả hai

↓

ĐẠT

↓

↓

Có cho một trong hai câu

↓

KHÔNG ĐẠT

↓

Bé có bao giờ được kiểm tra về thính giác chưa?

↓

Có

↓

↓

Không

↓

**ĐỒNG THỜI CŨNG HỎI
TẤT CẢ CÁC BÉ:**

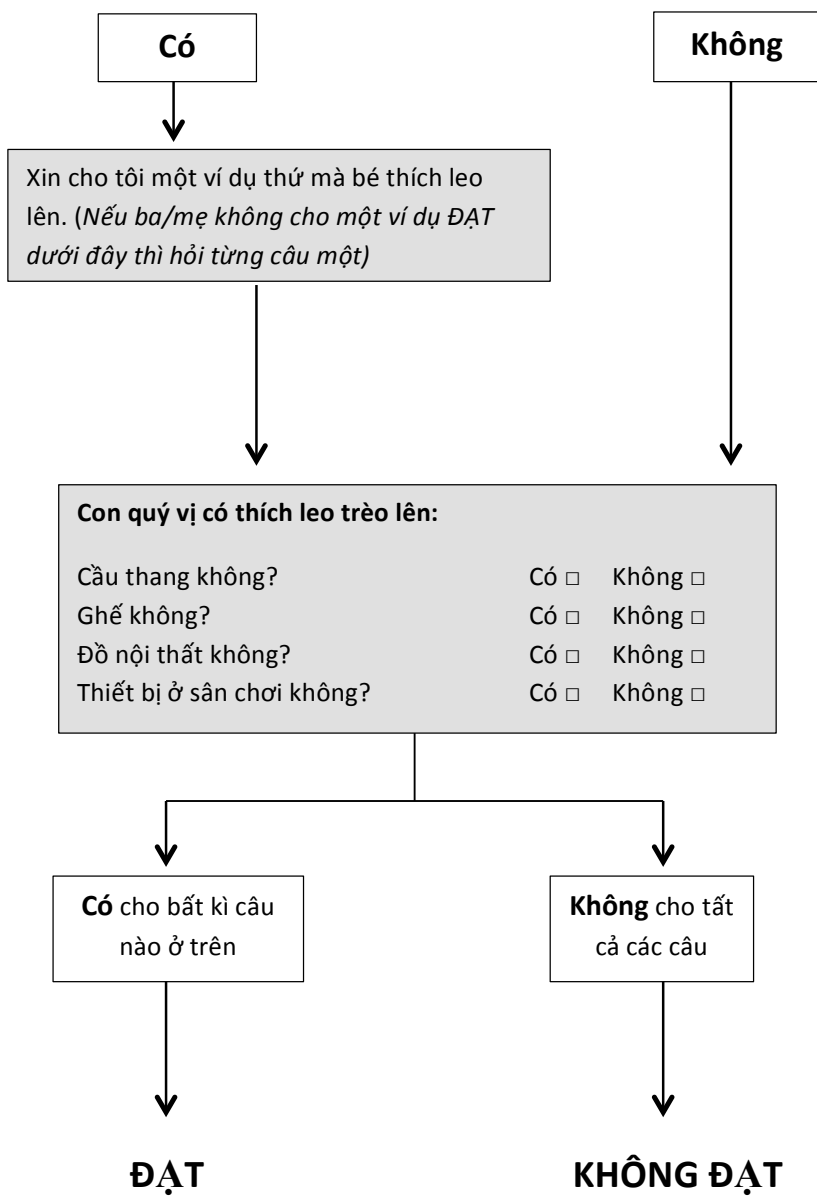
Kết quả kiểm tra thính giác như thế nào? (*chọn một*):

- ☐ Thính giác trong phạm vi bình thường
- ☐ Thính giác dưới mức bình thường
- ☐ Thính giác không đi đến được kết luận hoặc không xác định được

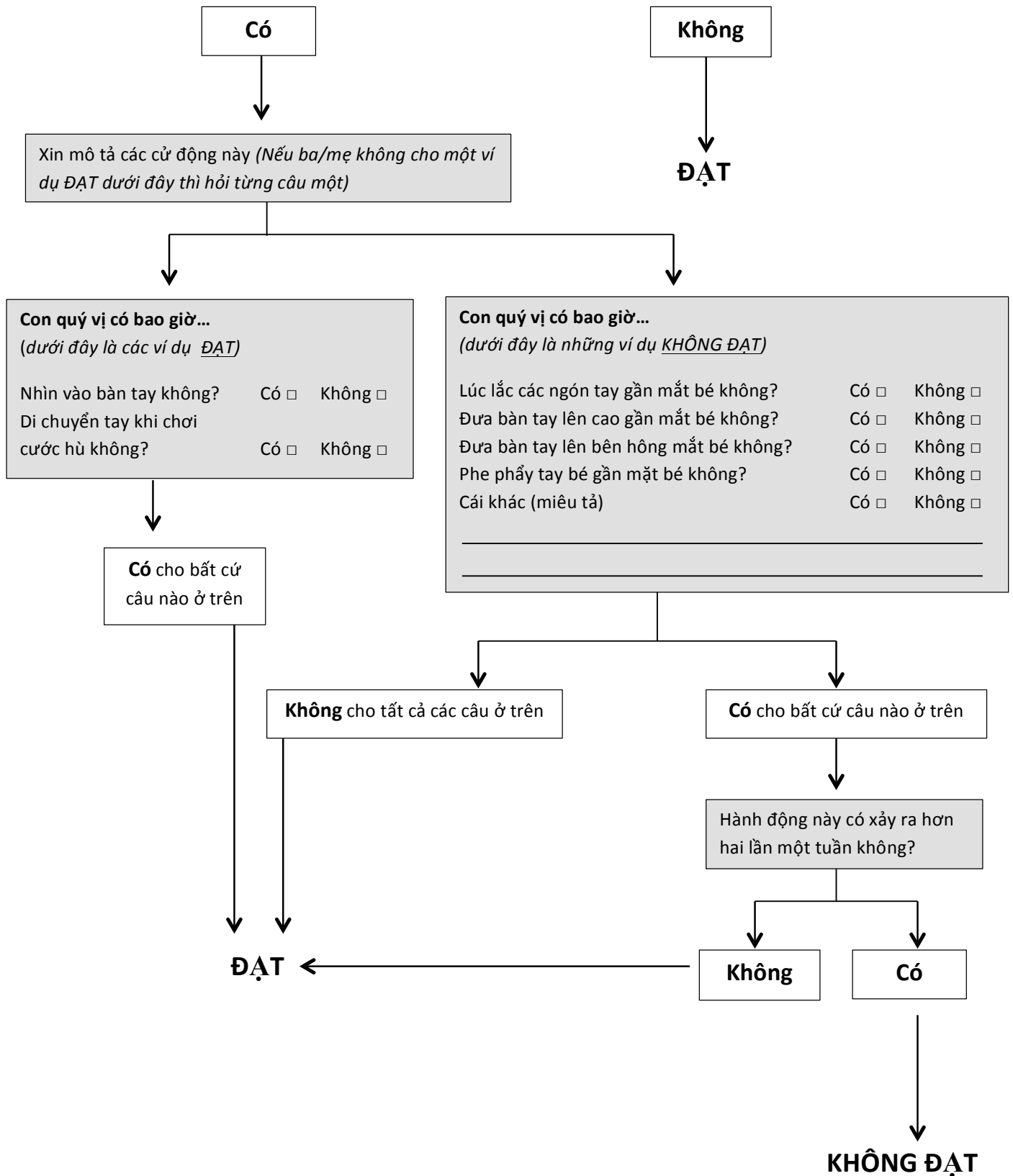
3. ____ có chơi giả bộ hay chơi tưởng tượng không?

Có	Không																																							
Xin cho tôi một ví dụ bé chơi tưởng tượng. (Nếu ba/mẹ không cho một ví dụ ĐẠT dưới đây thì hỏi từng câu một)																																								
Con quý vị có bao giờ... <table style="width: 100%;"><tbody><tr><td>Giả bộ uống từ một cái tách đồ chơi không?</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td>Giả bộ ăn bằng một cái muỗng hay cái nĩa đồ chơi không?</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td>Giả bộ nói chuyện điện thoại không?</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td>Giả bộ đút cho búp bê hay cho thú nhồi bông ăn với thức ăn thật hay tưởng tượng không?</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td>Đẩy xe như thể xe chạy trên đường tưởng tượng không?</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td>Giả bộ làm người máy, máy bay, vũ công, hay bất kì nhân vật yêu thích nào khác không?</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td>Đặt nôi đồ chơi lên lò tưởng tượng không?</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td>Khuấy thức ăn tưởng tượng không?</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td>Đặt một nhân vật hành động hay một con búp bê vào trong xe hơi hay xe tải giả làm tài xế hay hành khách không?</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td>Giả bộ hút bụi thảm, quét sàn nhà, hay cắt bãi cỏ không?</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td>Cái khác (miêu tả)</td><td>Có ☐</td><td>Không ☐</td></tr><tr><td colspan="3"> </td></tr><tr><td colspan="3"> </td></tr></tbody></table>		Giả bộ uống từ một cái tách đồ chơi không?	Có ☐	Không ☐	Giả bộ ăn bằng một cái muỗng hay cái nĩa đồ chơi không?	Có ☐	Không ☐	Giả bộ nói chuyện điện thoại không?	Có ☐	Không ☐	Giả bộ đút cho búp bê hay cho thú nhồi bông ăn với thức ăn thật hay tưởng tượng không?	Có ☐	Không ☐	Đẩy xe như thể xe chạy trên đường tưởng tượng không?	Có ☐	Không ☐	Giả bộ làm người máy, máy bay, vũ công, hay bất kì nhân vật yêu thích nào khác không?	Có ☐	Không ☐	Đặt nôi đồ chơi lên lò tưởng tượng không?	Có ☐	Không ☐	Khuấy thức ăn tưởng tượng không?	Có ☐	Không ☐	Đặt một nhân vật hành động hay một con búp bê vào trong xe hơi hay xe tải giả làm tài xế hay hành khách không?	Có ☐	Không ☐	Giả bộ hút bụi thảm, quét sàn nhà, hay cắt bãi cỏ không?	Có ☐	Không ☐	Cái khác (miêu tả)	Có ☐	Không ☐						
Giả bộ uống từ một cái tách đồ chơi không?	Có ☐	Không ☐																																						
Giả bộ ăn bằng một cái muỗng hay cái nĩa đồ chơi không?	Có ☐	Không ☐																																						
Giả bộ nói chuyện điện thoại không?	Có ☐	Không ☐																																						
Giả bộ đút cho búp bê hay cho thú nhồi bông ăn với thức ăn thật hay tưởng tượng không?	Có ☐	Không ☐																																						
Đẩy xe như thể xe chạy trên đường tưởng tượng không?	Có ☐	Không ☐																																						
Giả bộ làm người máy, máy bay, vũ công, hay bất kì nhân vật yêu thích nào khác không?	Có ☐	Không ☐																																						
Đặt nôi đồ chơi lên lò tưởng tượng không?	Có ☐	Không ☐																																						
Khuấy thức ăn tưởng tượng không?	Có ☐	Không ☐																																						
Đặt một nhân vật hành động hay một con búp bê vào trong xe hơi hay xe tải giả làm tài xế hay hành khách không?	Có ☐	Không ☐																																						
Giả bộ hút bụi thảm, quét sàn nhà, hay cắt bãi cỏ không?	Có ☐	Không ☐																																						
Cái khác (miêu tả)	Có ☐	Không ☐																																						
Có cho bất kì câu nào ↓ ĐẠT Không cho tất cả các câu ↓ KHÔNG ĐẠT																																								

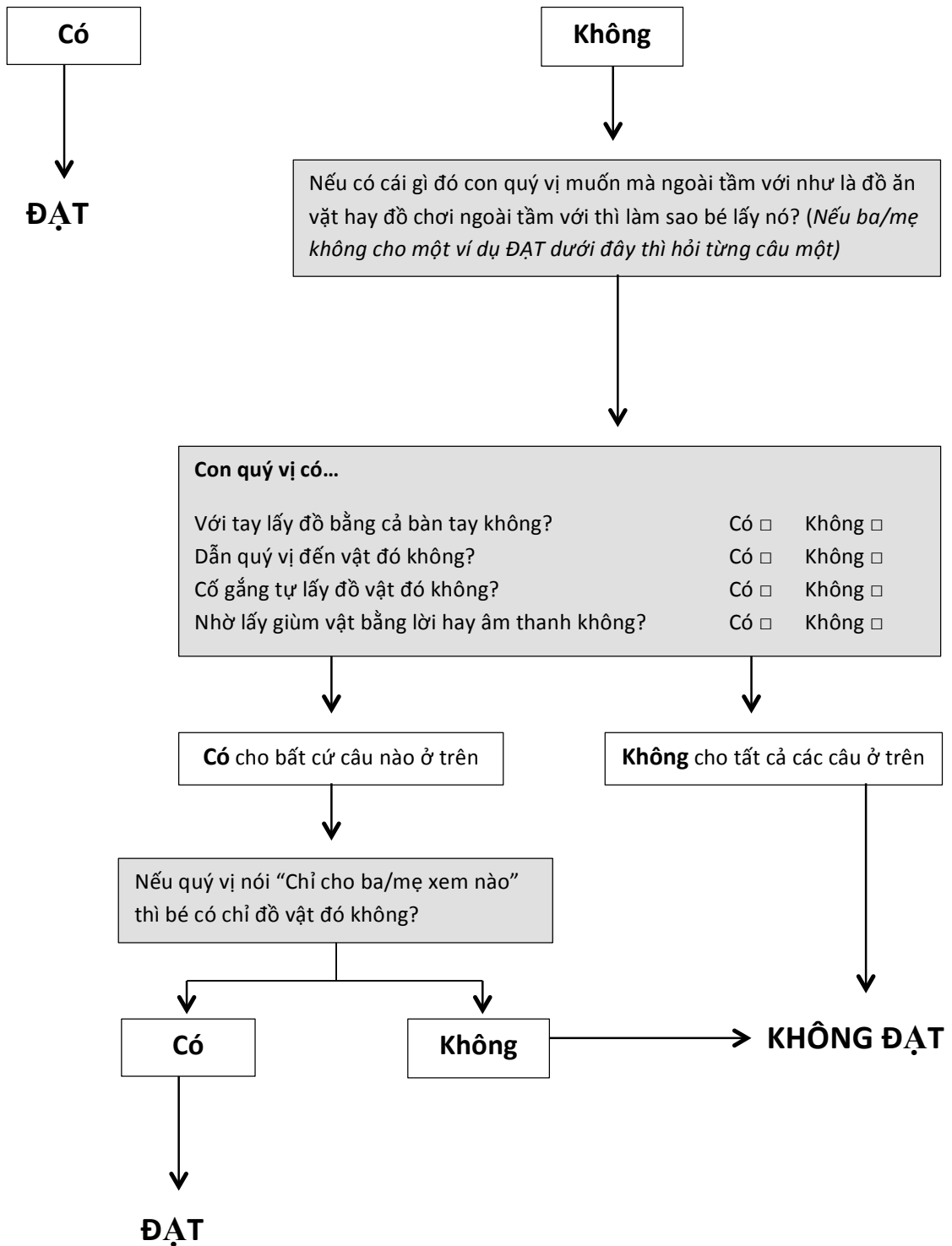
4. _____ có thích leo trèo lên vật gì đó không?



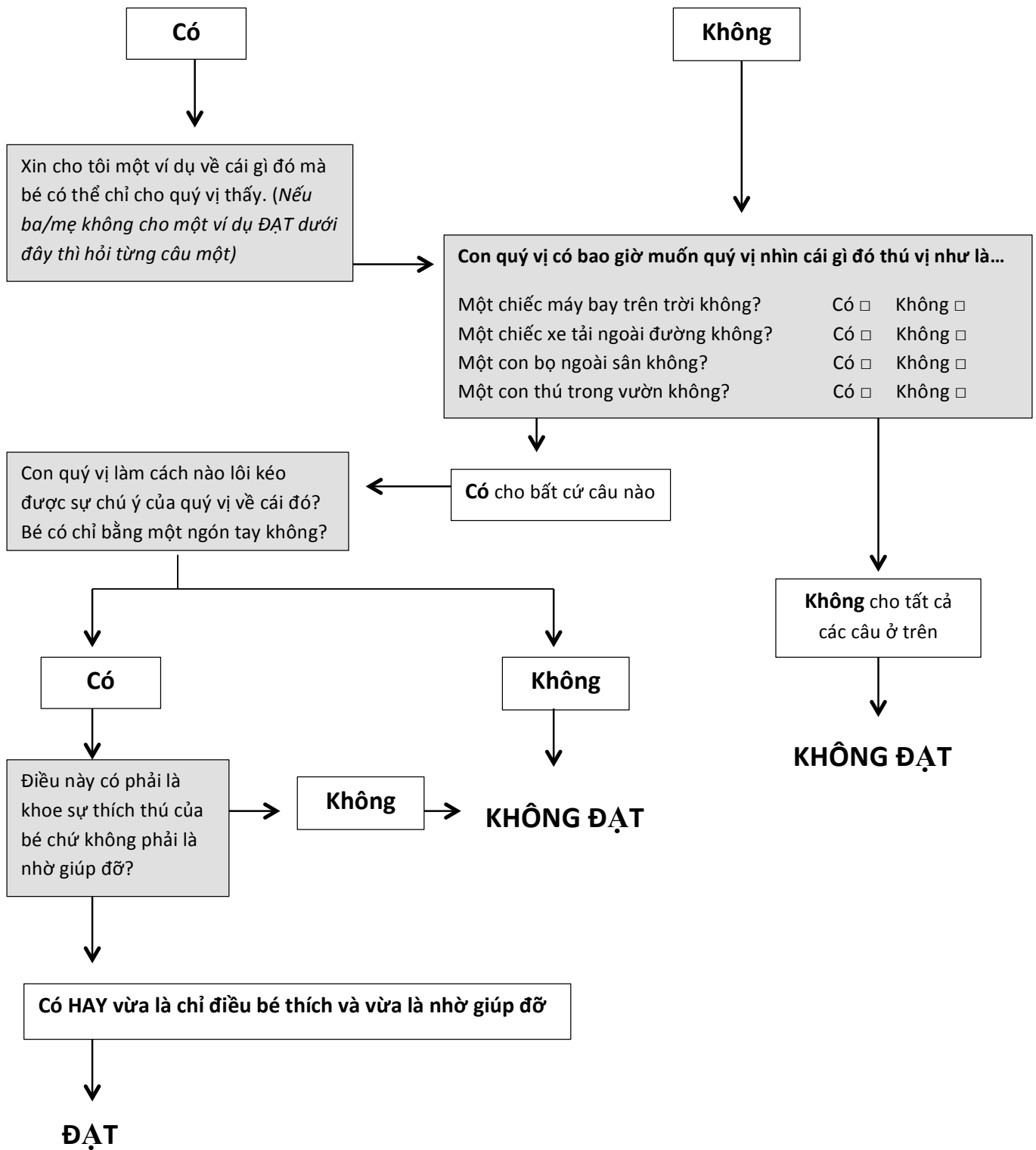
5. _____ có làm những cử động ngón tay bất bình thường gần mắt bé không?



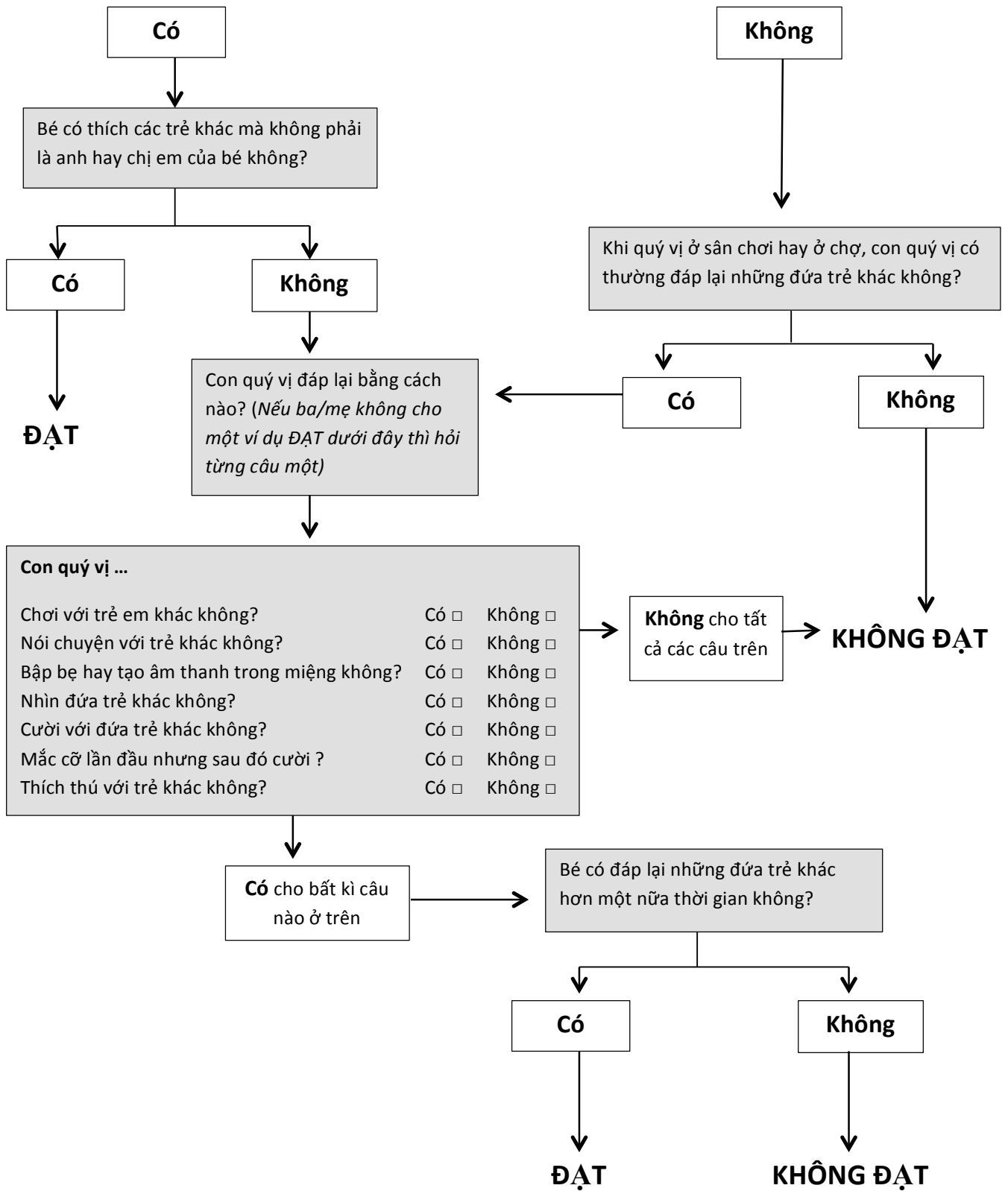
6. Con quý vị có chỉ bằng một ngón tay để xin cái gì đó hay để được giúp đỡ không?



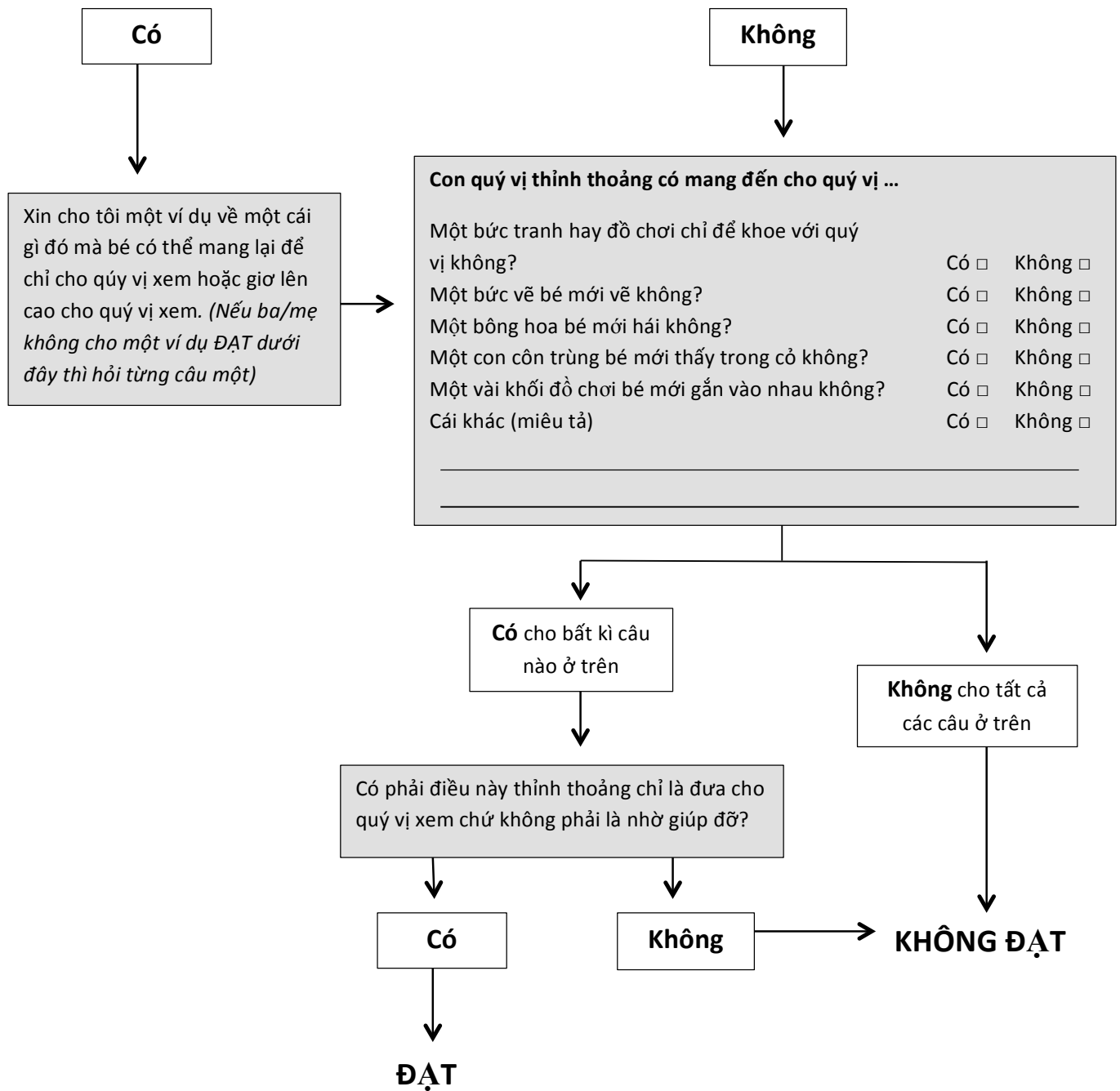
7. * Nếu người phỏng vấn chỉ hỏi câu 6, bắt đầu từ đây: Chúng ta chỉ mới hỏi về việc chỉ tay để *xin* cái gì đó, **HỎI TẤT CẢ** --> Con quý vị có dùng một ngón tay để chỉ cho quý vị thấy cái gì đó thú vị không?



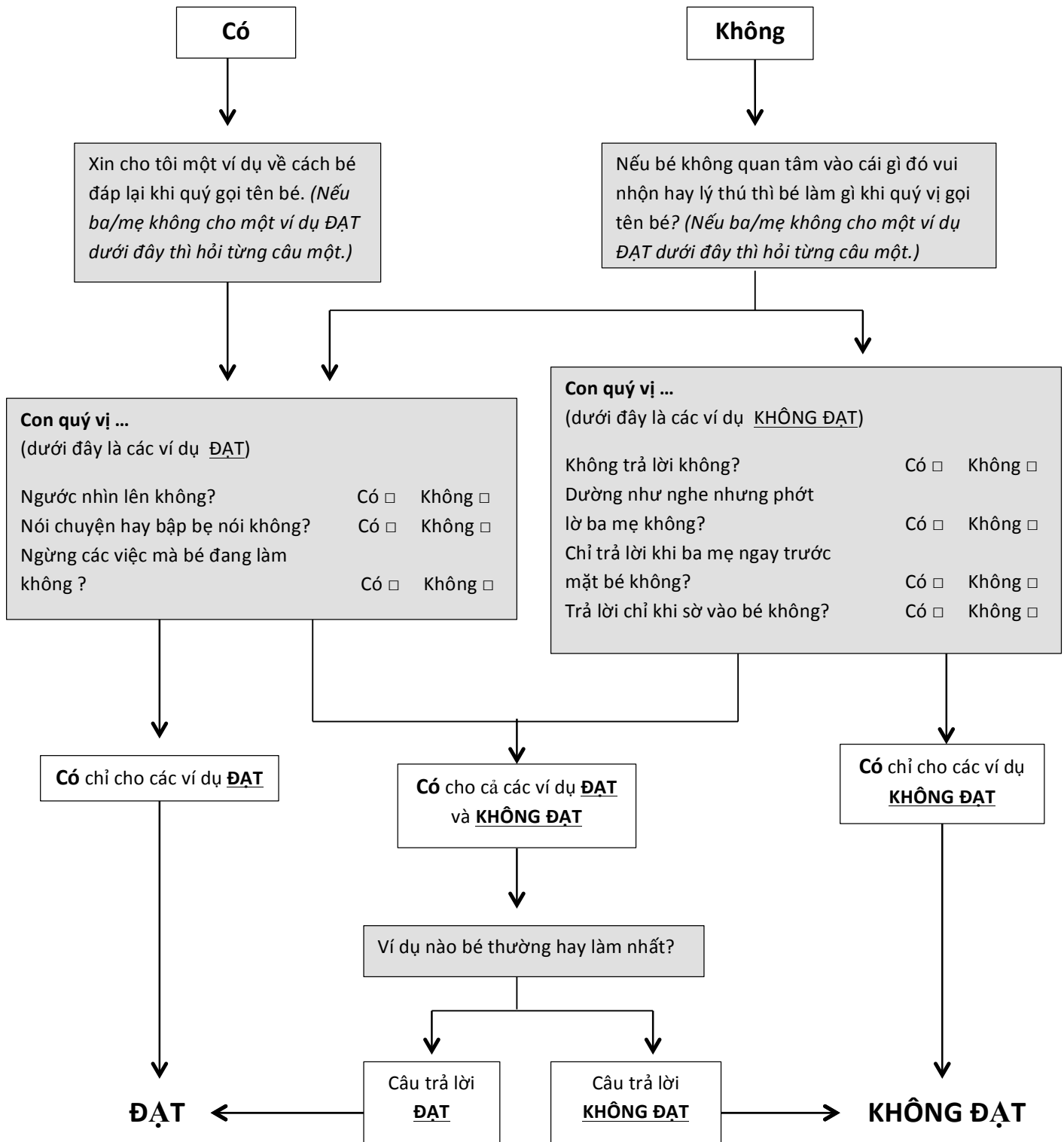
8. _____ có thích những đứa trẻ khác không?



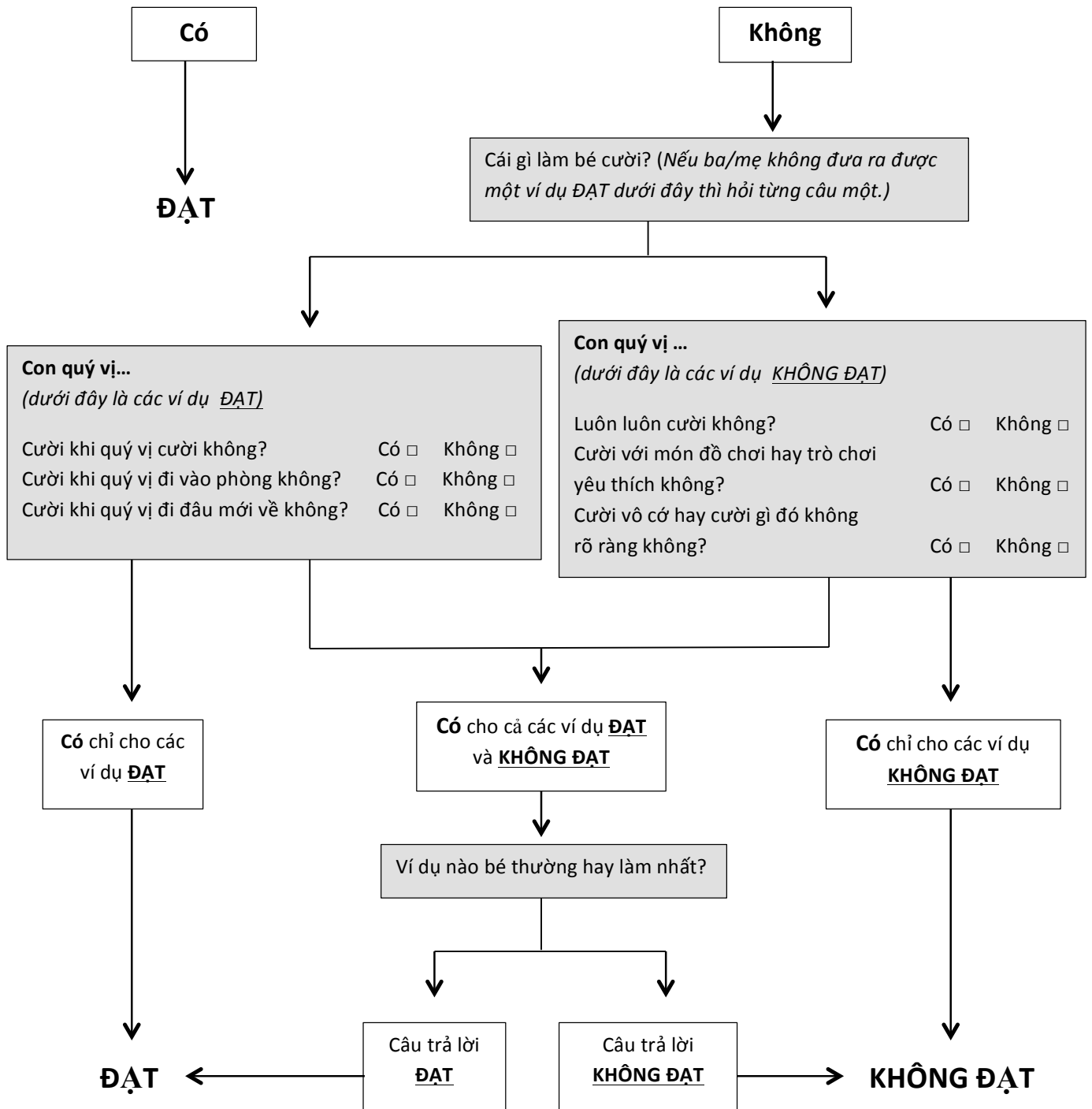
9. ____ có khoe với quý vị cái gì đó bằng cách cầm những vật đó đến chỗ quý vị hoặc đưa lên cao cho quý vị xem?
 Không phải để nhờ giúp đỡ mà chỉ để chia sẻ?



10. _____ có phản ứng lại khi quý vị gọi tên bé không?



11. Khi quý vị cười _____, bé có cười lại không?



12. _____ có khó chịu vì những tiếng động hàng ngày không?

CÓ

↓

KHÔNG

↓

Con quý vị có hành động tiêu cực nào đó vì âm thanh của...

Máy giặt không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Tiếng khóc em bé không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Máy hút bụi không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Máy sấy tóc không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Xe cộ không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Em bé ré lên hay hét lên không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Tiếng nhạc to không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Tiếng điện thoại hay tiếng chuông cửa không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Nơi ồn ào như ở chợ hay nhà hàng không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Cái khác (miêu tả)	CÓ ☐ KHÔNG ☐

ĐẶT

CÓ từ hai câu trở lên

↓

Con quý vị ...
(dưới đây là các ví dụ **ĐẶT**)

Bình tĩnh bịt tai lại không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Nói với quý vị là bé không thích tiếng ồn đó không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

Con quý vị ...
(dưới đây là các ví dụ **KHÔNG ĐẶT**)

La hét không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Khóc không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐
Khó chịu bịt tai lại không?	CÓ ☐ KHÔNG ☐

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

↓

KHÔNG ĐẶT

CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

CÓ cho cả các ví dụ **ĐẶT** và **KHÔNG ĐẶT**

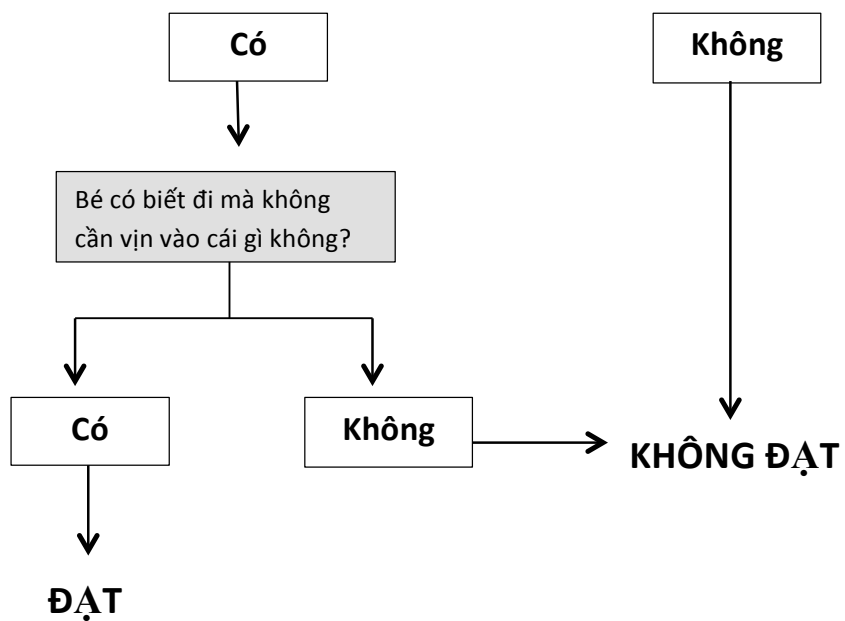
↓

KHÔNG ĐẶT

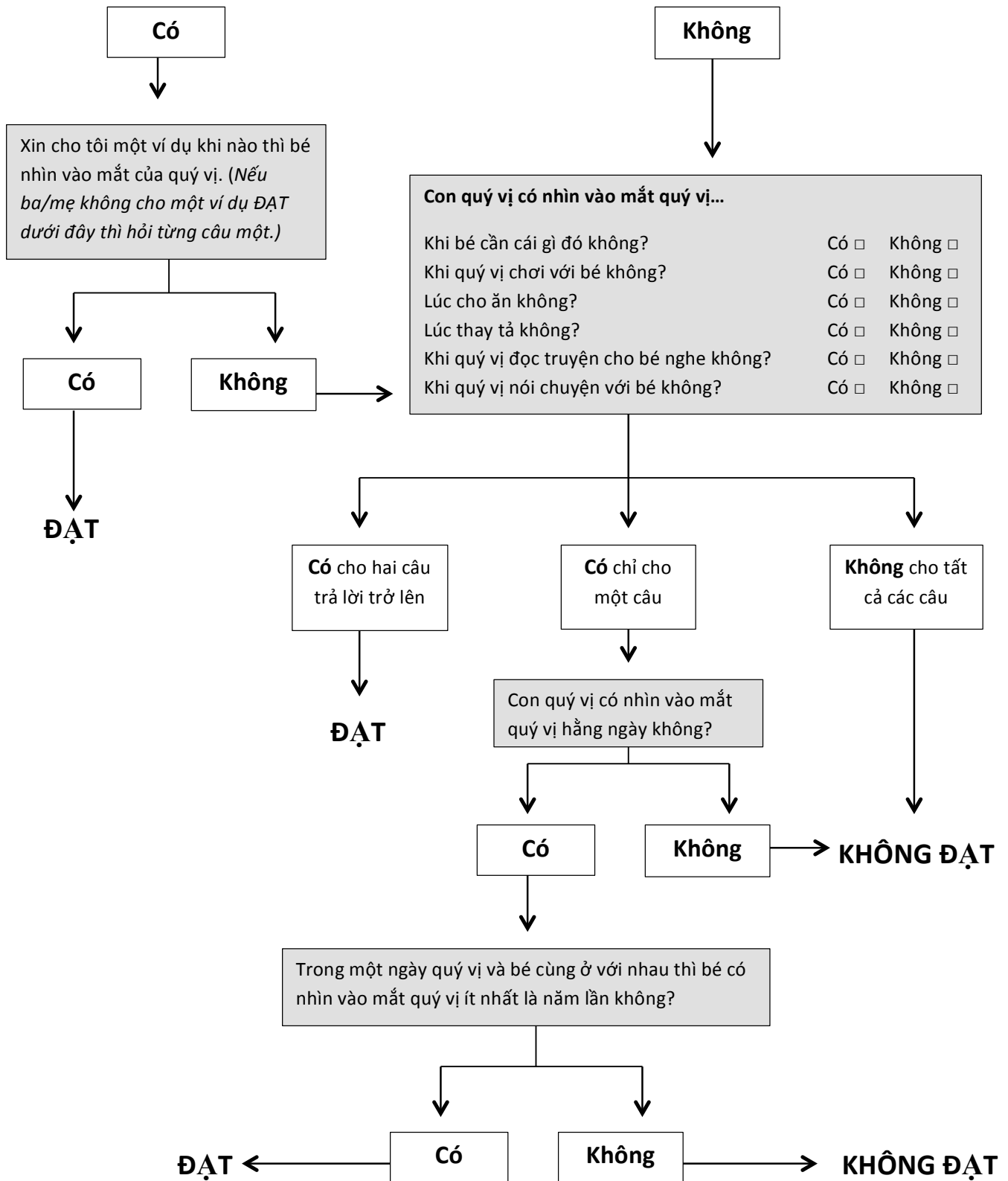
CÓ chỉ cho các ví dụ **ĐẶT**

↓

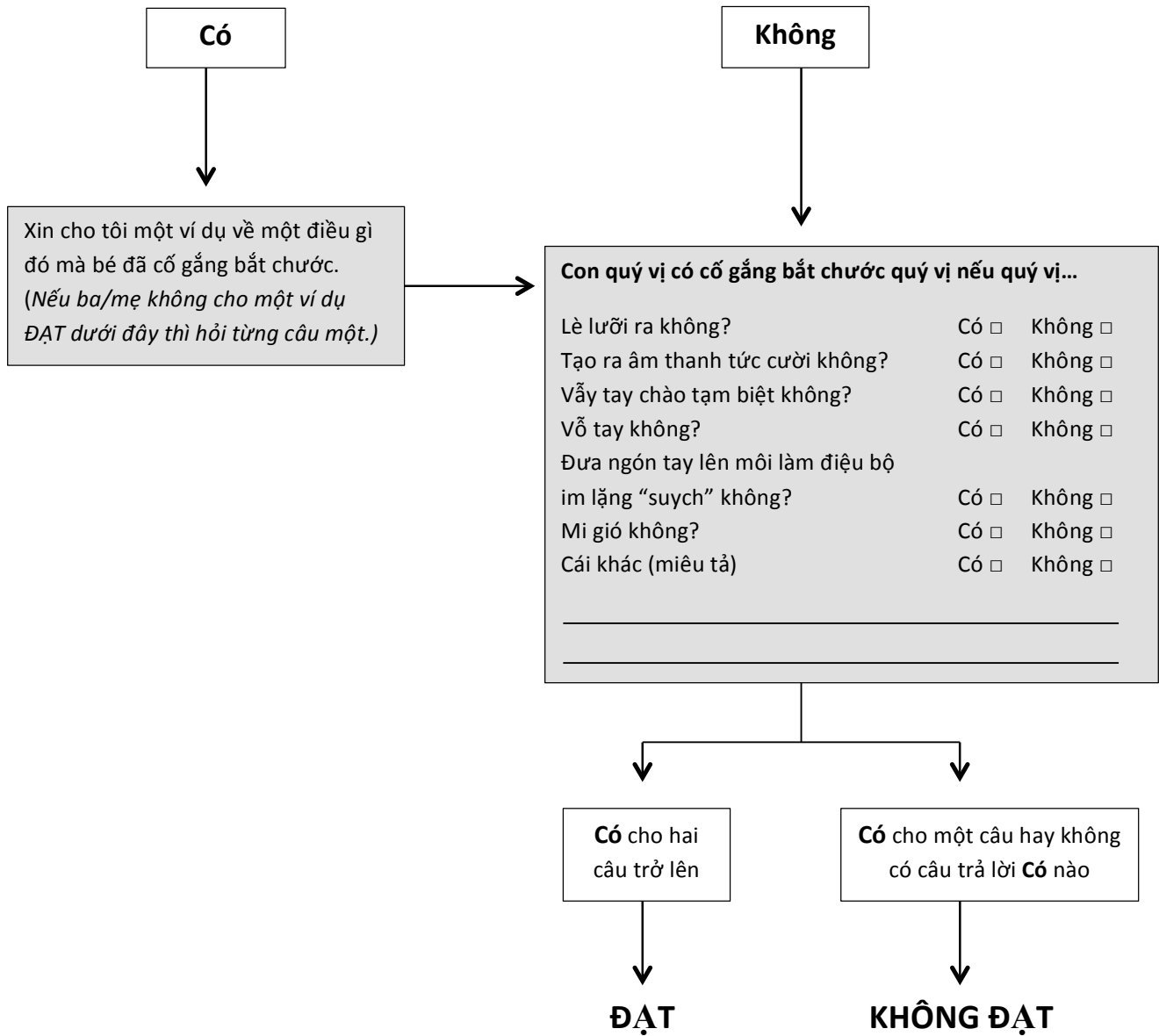
13. _____ có biết đi không?



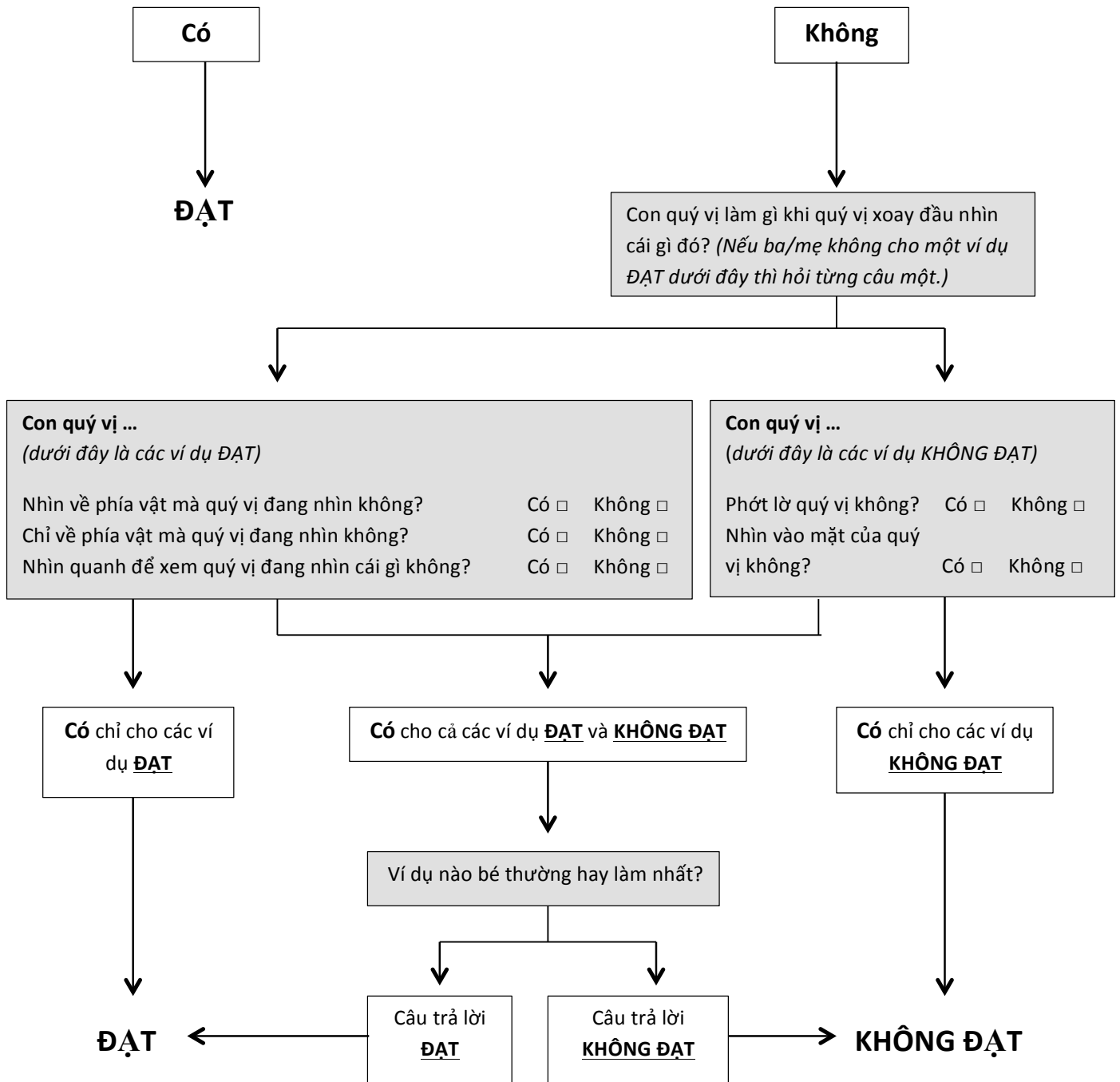
14. ____ có nhìn vào mắt quý vị khi quý vị đang nói chuyện với bé, đang chơi với bé hay thay quần áo cho bé không?



15. _____ có cố gắng bắt chước những gì quý vị làm không?



16. Nếu quý vị xoay đầu nhìn cái gì đó, ____ có nhìn quanh để xem quý vị đang nhìn cái gì không?



17. ____ có cố gắng làm cho quý vị chú ý bé không?

Có

Không

Xin cho tôi một ví dụ làm sao bé cố làm quý vị
nhìn bé. *(Nếu ba/mẹ không cho một ví dụ ĐẠT
dưới đây thì hỏi từng câu một.)*

Con quý vị có...

Nói “Nhìn kìa!” hay “Nhìn con nè” không?

Có ☐ Không ☐

Bập bẹ hay tạo một âm thanh làm quý vị phải chú ý xem bé đang
làm gì không?

Có ☐ Không ☐

Nhìn quý vị để chờ lời khen hay lời bình luận không?

Có ☐ Không ☐

Tiếp tục nhìn để xem quý vị có còn đang nhìn không?

Có ☐ Không ☐

Cái khác (miêu tả)

Có ☐ Không ☐

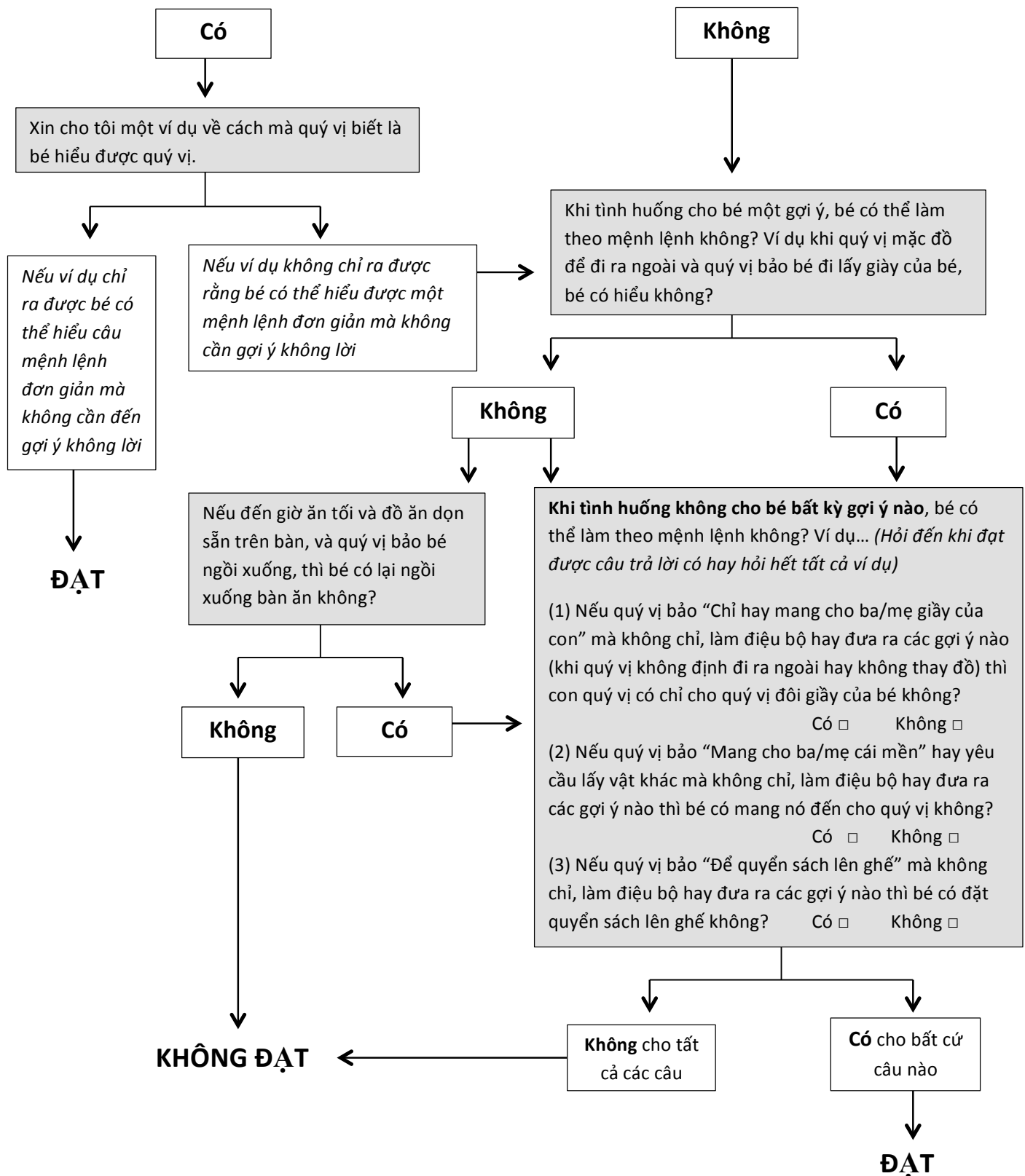
Có cho bất kì câu nào

Không có câu trả lời **Có** nào

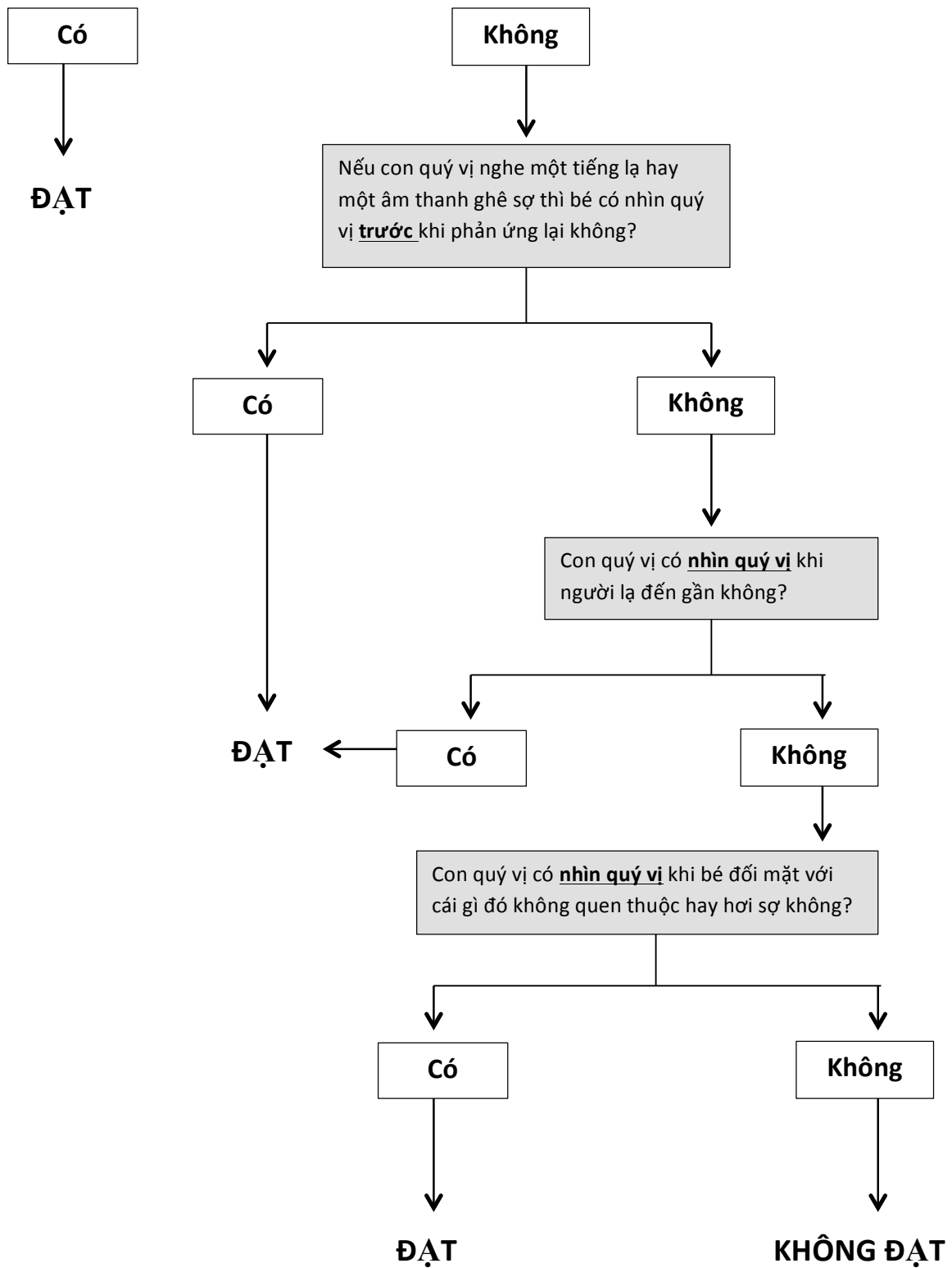
ĐẠT

KHÔNG ĐẠT

18. ____ có hiểu khi quý vị bảo bé làm điều gì đó không?



19. Nếu có cái gì mới xảy ra thì con quý vị có nhìn mặt quý vị để xem quý vị cảm thấy như thế nào về điều đó không?



20. ____ có thích những trò chơi vận động không?

